

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG KHÁNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-5-2019

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG KHÁNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Thanh Tân
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại Hội trường A - Tòa án nhân dân thị xã LK, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 242/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019, về việc “*Tranh chấp ly hôn*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Chị Nguyễn Thị K** sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú Tổ 7, ấp Bà Tr, xã Bà Tr, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Số 259, đường Thích Quảng Đ (núi dề), tổ 4, khu phố 6, phường Xuân A, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* **Anh Nguyễn Ngọc Đ** sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 7, ấp Bà Tr, xã Bà Tr, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Nguyễn Thị K trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Ngọc Đ quen biết, tìm hiểu và yêu nhau được khoảng 05 (năm) năm thì đi đến kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Nhân Đ, huyện Đăk R’L, tỉnh Đăk Nông cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/11/2005.

Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2011 thì mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh và thật sự trầm trọng vào khoảng đầu năm 2013. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị K không tin tưởng anh Đ trong việc quản lý kinh tế gia đình. Ngoài ra, chị K còn nghi ngờ anh Đ có biểu hiện không chung thủy,... dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên lớn tiếng cãi nhau, thậm chí vợ chồng còn xảy ra xô xát. Chị K cũng đã khuyên anh Đ thay đổi nhưng vẫn không có kết quả. Khoảng tháng 3/2019 cho đến nay chị K đã bỏ về nhà cha mẹ để sống, anh Đ không mong muốn hàn gắn đoàn tụ mà thường xuyên nhắn tin xúc phạm chị. Nay chị K nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị K yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Đ.

- Về con chung: Chị K và anh Đ có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Nhật A, sinh ngày 24/8/2006 và cháu Nguyễn Nhật C, sinh ngày 10/9/2012, hiện hai con chung đang sống cùng với chị K.

Khi ly hôn, chị K yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung. Chị K yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) (1.000.000đồng/tháng/cháu) cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai đề ngày 25 tháng 4 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn - anh Nguyễn Ngọc Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc Đ thừa nhận anh và chị Nguyễn Thị K quen nhau được khoảng từ 05 (năm) đến 06 (sáu) năm thì tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Nhân Đ, huyện Đắk R'L, tỉnh Đắk Nông cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/11/2005.

Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng cách đây khoảng bốn năm do hay đi làm xa nên anh Đ đã có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác (nhưng mối quan hệ này đã chấm dứt) do đó mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nhưng sau đó chị K cũng đã tha thứ và vợ chồng lại hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, trong cuộc sống vợ chồng không tránh khỏi những mâu thuẫn hàng ngày dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên lớn tiếng cãi nhau, thậm chí xúc phạm nhau, có lần do say rượu không kiềm chế được nên anh Đ đã đánh chị K và công an xã có mời anh Đ lên làm việc. Tuy nhiên, hiện nay anh Đ đã thay đổi không còn đánh chị K nữa. Vào ngày 11/3/2019, do vợ chồng mâu thuẫn nên hai bên đã lớn tiếng cãi nhau ngay sau đó thì chị K đã dọn đồ đạc bỏ về nhà mẹ để sống cho đến nay. Anh Đ có nhắn tin nói chị K về nhà nhưng chị K không đồng ý. Nay anh Đ nhận thấy vẫn còn tình cảm với chị K và mong muốn gia đình đoàn tụ nên anh Đ không đồng ý ly hôn theo như yêu cầu khởi kiện của chị K.

- Về con chung: Anh Đ thừa nhận vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Nhật A, sinh ngày 24/8/2006 và cháu Nguyễn Nhật C, sinh ngày 10/9/2012, hiện hai con chung đang sống cùng với chị K.

Nếu ly hôn, anh Đ đồng ý giao hai con chung cho chị K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) (1.000.000đồng/tháng/cháu) cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Ngọc Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, cả nguyên đơn và bị đơn không đến Tòa án tham dự phiên tòa, tuy nhiên các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ kiện;

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - chị Nguyễn Thị K.

+ Về con chung: Căn cứ khoản 2 Điều 81; khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử giao hai con chung cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

+ Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí Chị K và anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn - chị Nguyễn Thị K có yêu cầu ly hôn với bị đơn - anh Nguyễn Ngọc Đ (BL 01); căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định bị đơn - anh Đ có nơi cư trú tại xã Bà Tr, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai (BL 03) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cả nguyên đơn - chị Nguyễn Thị K và bị đơn - anh Nguyễn Ngọc Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt (BL 26, 37) nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Ngọc Đ tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Nhân Đ, huyện Đắk R'L, tỉnh Đắk Nông cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/11/2005 (BL 06) được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn - chị Nguyễn Thị K, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình chung sống chị K và anh Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau trong việc quản lý kinh tế gia đình, nghi ngờ tình cảm của nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã thậm chí xô xát với nhau (BL 20). Khoảng ba tháng trở lại đây vợ chồng đã không còn sống chung nhà với nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình. Xét thấy, hôn nhân giữa chị K và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị K yêu cầu xin ly hôn với anh Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu mong muốn đoàn tụ của bị đơn - anh Nguyễn Ngọc Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ đã thừa nhận trong thời gian vợ chồng sống chung đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã và xung đột. Từ ngày 11/3/2019 cho đến nay vợ chồng đã không còn sống chung nhà với nhau, anh Đ cũng không có nhiều thời gian để quan tâm đến chị K mà chỉ thi thoảng gọi điện thoại khuyên chị K về nhà nhưng chị K không đồng ý. Mặt khác, anh Đ cũng không có bất cứ biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với chị K nên khả năng đoàn tụ là không có, yêu cầu hàn gắn đoàn tụ của anh Đ là không có căn cứ và không phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3.2] *Về con chung*: Chị K và anh Đ có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Nhật A, sinh ngày 24/8/2006 và cháu Nguyễn Nhật C, sinh ngày 10/9/2012.

Xét yêu cầu của nguyên đơn - chị Nguyễn Thị K khi ly hôn được trực tiếp nuôi hai con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện các bên đương sự đều thừa nhận hiện hai con chung đang sống cùng với chị K và anh Đ cũng đồng ý khi ly hôn giao hai con chung cho chị K nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ. Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao hai con chung cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[3.3] *Về cấp dưỡng*: Chị K yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) (1.000.000đ/tháng/cháu) và được anh Đ đồng ý. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị K là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị K và anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí Chị K và anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Khánh về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Nguyễn Thị K.

1. *Về hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Ngọc Đ được ly hôn.

2. *Về con chung:*

2.1 Giao cháu Nguyễn Nhật A, sinh ngày 24/8/2006 và cháu Nguyễn Nhật C, sinh ngày 10/9/2012 cho chị Nguyễn Thị K được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.2 Anh Nguyễn Ngọc Đ được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Anh Nguyễn Ngọc Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng chị K mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) (1.000.000đồng/tháng/cháu) cho đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí lý hôn sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 009547 ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai. Chị K đã nộp đủ tiền án phí lý hôn sơ thẩm.

Anh Nguyễn Ngọc Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND T.ĐN;
- VKSND TXLK;
- CC THADS TXLK;
- UBND xã Nhân Đức, H.Đắk R'L, T.Đắk Nông;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Thị Thùy Trang